



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014  
đã được soát xét*

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT**  
**NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)**

Trụ sở chính: 29 Hoàng Sa, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh. Tel: (84 8) 3910 3908 - 3910 4881 / Fax: (84 8) 3910 4880  
CN Hà Nội: Số 15, Ngõ 640, Đường Láng, Quận Đống Đa, Hà Nội. Tel: (84 4) 3793 1428 / Fax: (84 4) 3793 1429

## MỤC LỤC

	Trang
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>2 - 4</b>
<b>Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính riêng</b>	<b>5</b>
<b>Báo cáo tài chính riêng đã được soát xét</b>	<b>6 - 29</b>
Bảng cân đối kế toán	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	13 - 29

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ô tô TMT (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

### **KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Ô tô TMT trước đây là Công ty Thương mại và Sản xuất vật tư Thiết bị giao thông vận tải, thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam, được chuyển đổi hình thức sở hữu sang Công ty cổ phần theo Quyết định số 870/QĐ-BGTVT ngày 14 tháng 4 năm 2006 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014956 lần đầu ngày 14 tháng 12 năm 2006 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 08 với mã số doanh nghiệp là 0100104563 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty là 308.391.170.000 đồng.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 là sản xuất, lắp ráp và kinh doanh ô tô.

Ngoài ra, Công ty không có hoạt động nào khác làm thay đổi chức năng kinh doanh đã được cấp phép.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

### **TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 29).

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC KỲ KẾ TOÁN**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Văn Hữu	Chủ tịch;	
Ông Bùi Quốc Công	Ủy viên;	
Ông Ngô Văn Hân	Ủy viên;	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2014
Ông Đặng Quang Vinh	Ủy viên;	Miễn nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2014
Ông Đỗ Mạnh Tuấn	Ủy viên;	Miễn nhiệm ngày 09 tháng 5 năm 2014
Ông Trần Văn Hà	Ủy viên;	
Ông Phạm Văn Hồng	Ủy viên;	
Ông Lê Tiến Phan	Ủy viên.	
Ông Bùi Văn Kiên	Ủy viên.	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 5 năm 2014

## CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)**

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Văn Hữu	Tổng Giám đốc;	
Ông Đặng Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc;	Miễn nhiệm ngày 09 tháng 6 năm 2014
Ông Bùi Quốc Công	Phó Tổng Giám đốc;	
Ông Trần Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc;	
Ông Trịnh Xuân Nhâm	Phó Tổng Giám đốc;	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 01 năm 2014
Ông Đào Tiến Thành	Kế toán trưởng;	
Ông Ngô Văn Hân	Trưởng phòng tài chính kế toán.	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2014

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã soát xét Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính riêng;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định hiện hành có liên quan;
- Lập Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

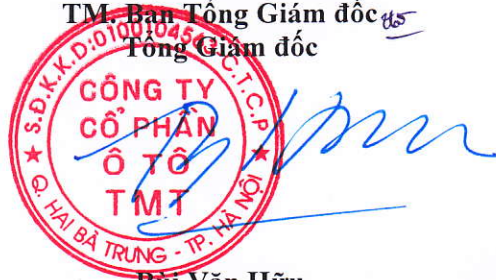
**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc** (tiếp theo)

---

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2014

**TM. Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng Giám đốc**



**Bùi Văn Hữu**

20  
NH  
TNI  
U.V  
ÉT  
TOÁ  
IỆT  
TP

3/2  
V  
H

Số: 260/2014/BCSX-AASCN

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Công ty Cổ phần Ô tô TMT được lập ngày 25 tháng 7 năm 2014 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 được trình bày từ trang 06 đến trang 29 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính riêng này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính riêng theo chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính riêng không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2014

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn  
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt



**Bùi Ngọc Vương**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0941-2013-152-1

Kiểm toán viên



**Bùi Ngọc Hà**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0662-2013-152-1

### Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City  
Tel: (84-08) 3910 4881 \*Fax: (84-08) 3910 4880  
Email: infohem@aascn.com.vn Web: www.aascn.com.vn

### Branch in Hanoi

No15, Alley 640, Lang Road, Dong Da Dist., Hanoi  
Tel: (84-04) 3793 1428 \*Fax: (84-04) 3793 1429  
Email: admin@namviethn.vn

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>595.211.822.041</b>	<b>266.583.400.633</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>54.400.962.422</b>	<b>21.627.433.510</b>
1.	Tiền	111		24.600.962.422	5.627.433.510
2.	Các khoản tương đương tiền	112		29.800.000.000	16.000.000.000
<b>II.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>12.435.000.000</b>	<b>14.545.497.000</b>
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		12.435.000.000	14.545.497.000
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		0	0
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>23.491.645.417</b>	<b>18.188.750.516</b>
1.	Phải thu khách hàng	131		13.824.907.943	13.915.849.337
2.	Trả trước cho người bán	132		3.947.572.025	1.813.898.307
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.03	6.077.675.305	2.816.825.496
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(358.509.856)	(357.822.624)
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>471.813.447.018</b>	<b>203.547.182.694</b>
1.	Hàng tồn kho	141	V.04	471.813.447.018	203.547.182.694
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	0
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>33.070.767.184</b>	<b>8.674.536.913</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		784.808.255	732.574.416
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		20.004.171.817	115.315.067
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	7.005.582.955	2.849.213.818
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.06	5.276.204.157	4.977.433.612



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>222.960.225.981</b>	<b>225.975.696.864</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		0	0
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		0	0
4.	Phải thu dài hạn khác	218		0	0
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		0	0
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>173.543.355.036</b>	<b>176.322.588.619</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	29.554.230.313	30.936.141.775
	- Nguyên giá	222		120.567.096.343	120.294.176.343
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(91.012.866.030)	(89.358.034.568)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		0	0
	- Nguyên giá	225		0	0
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		0	0
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.08	21.683.250	27.339.750
	- Nguyên giá	228		88.939.000	88.939.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(67.255.750)	(61.599.250)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.09	143.967.441.473	145.359.107.094
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1.	Nguyên giá	241		0	0
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		0	0
<b>IV.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>32.623.283.376</b>	<b>32.623.123.776</b>
1.	Đầu tư vào công ty con	251	V.10	32.622.842.976	32.622.842.976
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		0	0
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.11	1.073.530	1.073.530
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259	V.12	(633.130)	(792.730)
<b>V.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>16.793.587.569</b>	<b>17.029.984.469</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	16.793.587.569	17.029.984.469
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		0	0
3.	Tài sản dài hạn khác	268		0	0
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>818.172.048.022</b>	<b>492.559.097.497</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>493.109.164.186</b>	<b>174.492.666.670</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>484.290.764.186</b>	<b>165.497.266.670</b>
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	80.909.056.715	83.436.734.974
2.	Phải trả người bán	312		375.614.540.142	60.843.087.076
3.	Người mua trả tiền trước	313		13.397.790.056	9.098.943.915
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	4.154.096.631	2.370.490.691
5.	Phải trả người lao động	315		1.642.615.684	1.120.838.784
6.	Chi phí phải trả	316	V.16	1.566.907.429	2.417.029.392
7.	Phải trả nội bộ	317		0	0
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		0	0
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.17	6.591.517.841	6.202.609.824
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		0	0
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		414.239.688	7.532.014
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>8.818.400.000</b>	<b>8.995.400.000</b>
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		0	0
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		0	0
3.	Phải trả dài hạn khác	333	V.18	8.818.400.000	7.610.400.000
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.19	0	1.385.000.000
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		0	0
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		0	0
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		0	0
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		0	0
<b>B.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>325.062.883.836</b>	<b>318.066.430.827</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.20</b>	<b>325.062.883.836</b>	<b>318.066.430.827</b>
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		308.391.170.000	284.502.360.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		360.727.500	24.249.537.500
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		483.226.387	483.226.387
4.	Cổ phiếu quỹ (*)	414		(8.680.989.647)	(8.680.989.647)
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		0	0
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		0	0
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		1.023.506.109	616.798.435
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		406.707.674	0
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		0	0
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		23.078.535.813	16.895.498.152
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>818.172.048.022</b>	<b>492.559.097.497</b>

**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1.	Tài sản thuê ngoài		0	0
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		0	0
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		0	0
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		11.169.734.400	11.169.734.400
5.	Ngoại tệ các loại			
	USD		1.382,79	677,80
	EUR		80,43	84,51
	JPY		0	0
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		0	0

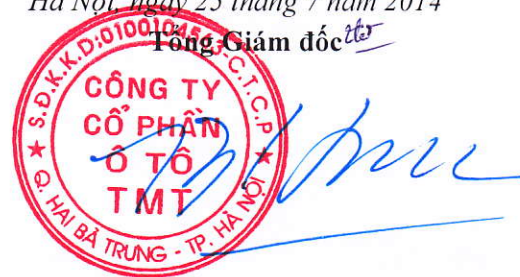
Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Tạ Thu Thủy

Đào Tiến Thành

Bùi Văn Hữu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
1.	<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>VI.01</b>	<b>463.984.886.817</b>	<b>213.508.510.379</b>
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	31.363.636	37.677.727.270
3.	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>VI.03</b>	<b>463.953.523.181</b>	<b>175.830.783.109</b>
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.04	409.518.675.661	156.460.837.176
5.	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>54.434.847.520</b>	<b>19.369.945.933</b>
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	2.490.702.378	1.934.090.018
7.	Chi phí tài chính	22	VI.06	6.751.782.936	7.052.140.450
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.587.836.656</i>	<i>6.673.433.173</i>
8.	Chi phí bán hàng	24		13.724.371.474	13.439.072.912
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		11.893.518.701	11.241.546.898
10.	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>24.555.876.787</b>	<b>(10.428.724.309)</b>
11.	Thu nhập khác	31	VI.07	1.939.370.922	13.738.139
12.	Chi phí khác	32		0	239.210.569
13.	<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>1.939.370.922</b>	<b>(225.472.430)</b>
14.	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>26.495.247.709</b>	<b>(10.654.196.739)</b>
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	5.071.819.026	0
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0
17.	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>21.423.428.683</b>	<b>(10.654.196.739)</b>

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Đông Giám đốc





Tạ Thu Thủy

Đào Tiến Thành

Bùi Văn Hữu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		474.054.093.027	242.253.576.697
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(306.799.885.394)	(112.515.427.135)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(15.634.008.000)	(9.674.521.300)
4.	Tiền chi trả lãi vay	04		(1.992.857.906)	(10.698.295.563)
5.	Tiền chi nộp thuế TNDN	05		(170.842.812)	0
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3.556.748.716	5.190.463.894
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(107.151.038.487)	(5.834.915.573)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>45.862.209.144</b>	<b>108.720.881.020</b>
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		0	(2.522.454.994)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		0	0
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(4.240.000.000)	(6.080.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		6.350.497.000	5.025.093.273
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	0
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	1.395.201.000
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.348.744.147	1.662.724.229
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>3.459.241.147</b>	<b>(519.436.492)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

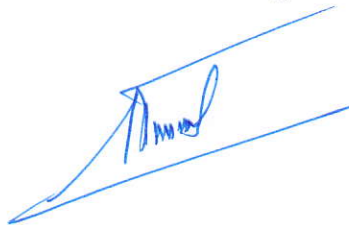
STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		323.018.835.156	101.070.614.122
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(325.546.513.415)	(208.016.810.448)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		0	0
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(14.020.268.000)	0
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(16.547.946.259)</b>	<b>(106.946.196.326)</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>32.773.504.032</b>	<b>1.255.248.202</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>21.627.433.510</b>	<b>10.700.257.934</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		24.880	0
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>54.400.962.422</b>	<b>11.955.506.136</b>

Người lập biểu



Tạ Thu Thủy

Kế toán trưởng



Đào Tiến Thành

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2014



Bùi Văn Hữu

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**Từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**01. Hình thức sở hữu vốn**

Là Công ty cổ phần.

**02. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất và thương mại.

**03. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 là sản xuất, lắp ráp và kinh doanh ô tô.

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**01. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**01. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

**02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

**03. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch

phát sinh. Tại thời điểm cuối kỳ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối kỳ được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ kế toán.

## **02. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

## **03. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

### *Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình*

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

### *Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 10 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 27 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- TSCĐ hữu hình khác	03 - 08 năm
- Phần mềm máy vi tính	03 năm

## **04. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 01 năm hoặc trong 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 01 năm hoặc hơn 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

**05. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

**06. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác**

Các khoản chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

- Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chờ phân bổ;
- Chi phí đền bù, san lấp mặt bằng;
- Những khoản chi phí khác thực tế phát sinh có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

**07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**08. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này, và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

**09. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

**Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Chiết khấu thanh toán;
- Lãi mua hàng trả chậm;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

**01. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền mặt	63.542.680	72.192.799
- Tiền gửi ngân hàng	24.537.419.742	5.555.240.711
- Các khoản tương đương tiền	29.800.000.000	16.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>54.400.962.422</b>	<b>21.627.433.510</b>

**02. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>a. Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>12.435.000.000</b>	<b>14.545.497.000</b>
- Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	0	0
- Trái phiếu đầu tư ngắn hạn	0	0
- Đầu tư ngắn hạn khác (*)	12.435.000.000	14.545.497.000
<b>b. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>Cộng</b>	<b>12.435.000.000</b>	<b>14.545.497.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

(\*): Khoản cho cán bộ công nhân viên của Công ty vay với lãi suất bằng lãi suất cho vay ngắn hạn hiện hành của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tại từng thời điểm cộng 1%/năm.

Đơn vị tính: VND

**03. Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phải thu về cổ phần hóa	0	0
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	866.666.400	0
- Phải thu người lao động	0	0
- Phải thu khác	5.230.971.254	2.816.825.496
+ Tiền lãi dự thu của các khoản cho vay	415.030.834	702.124.304
+ Phải thu về tiền lợi nhuận hợp tác kinh doanh	505.708.622	0
+ Phải thu về tiền góp vốn hợp tác kinh doanh	2.185.000.000	0
+ Công ty TNHH Sản xuất lắp ráp ô tô TMT	0	217.069.493
+ Các khoản phải thu khác	2.105.269.449	1.897.631.699
<b>Cộng</b>	<b><u>6.077.675.305</u></b>	<b><u>2.816.825.496</u></b>

**04. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Hàng mua đang đi đường	53.760.000	8.545.000
- Nguyên liệu, vật liệu	85.843.464.318	30.545.473.373
- Công cụ, dụng cụ	14.500.000	14.500.000
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	67.771.292.539	44.378.741.297
- Thành phẩm	61.124.994.827	22.294.420.205
- Hàng hoá	137.558.618.441	7.564.288.574
- Hàng gửi đi bán	119.446.816.893	98.741.214.245
<b>Cộng giá gốc của hàng tồn kho</b>	<b><u>471.813.447.018</u></b>	<b><u>203.547.182.694</u></b>

**05. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế GTGT đầu ra	0	0
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	17.006.000	28.720.099
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	63.796.664	63.796.664
- Thuế xuất, nhập khẩu	6.872.434.299	1.957.473.858
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	0	747.768.013
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	52.345.992	51.455.184
<b>Cộng</b>	<b><u>7.005.582.955</u></b>	<b><u>2.849.213.818</u></b>

**06. Tài sản ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tài sản thiếu chờ xử lý	488.086.286	488.086.286
- Tạm ứng	4.427.313.042	4.107.244.067
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	360.804.829	382.103.259
<b>Cộng</b>	<b><u>5.276.204.157</u></b>	<b><u>4.977.433.612</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
<b>Số dư đầu kỳ</b>	70.242.258.201	32.823.237.146	11.982.221.028	1.198.279.240	4.048.180.728	120.294.176.343
- Mua trong kỳ	0	272.920.000	0	0	0	272.920.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	0	0	0	0	0	0
- Tăng khác	0	0	0	0	0	0
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0	0
- Thanh lý, nhượng bán	0	0	0	0	0	0
- Giảm khác	0	0	0	0	0	0
<b>Số dư cuối kỳ</b>	70.242.258.201	33.096.157.146	11.982.221.028	1.198.279.240	4.048.180.728	120.567.096.343

**II. Giá trị hao mòn lũy kế**

<b>Số dư đầu kỳ</b>	39.960.511.814	32.289.853.202	11.862.227.046	1.197.261.778	4.048.180.728	89.358.034.568
- Khấu hao trong kỳ	1.421.003.072	112.816.946	119.993.982	1.017.462	0	1.654.831.462
- Tăng khác	0	0	0	0	0	0
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0	0
- Thanh lý, nhượng bán	0	0	0	0	0	0
- Giảm khác	0	0	0	0	0	0
<b>Số dư cuối kỳ</b>	41.381.514.886	32.402.670.148	11.982.221.028	1.198.279.240	4.048.180.728	91.012.866.030

**III. Giá trị còn lại**

<b>1. Tại ngày đầu kỳ</b>	30.281.746.387	533.383.944	119.993.982	1.017.462	0	30.936.141.775
<b>2. Tại ngày cuối kỳ</b>	28.860.743.315	693.486.998	0	0	0	29.554.230.313

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 66.393.056.009 đồng.

346  
HÀNG  
TY T  
TU  
KẾ  
M T  
VI  
M  
T  
G  
/04

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**08. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>		
<i>Số dư đầu kỳ</i>	<b>88.939.000</b>	<b>88.939.000</b>
- Mua trong kỳ	0	0
- Tăng khác	0	0
- Thanh lý, nhượng bán	0	0
- Giảm khác	0	0
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<b>88.939.000</b>	<b>88.939.000</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
<i>Số dư đầu kỳ</i>	<b>61.599.250</b>	<b>61.599.250</b>
- Khấu hao trong kỳ	5.656.500	5.656.500
- Tăng khác	0	0
- Thanh lý, nhượng bán	0	0
- Giảm khác	0	0
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<b>67.255.750</b>	<b>67.255.750</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>		
<i>1. Tại ngày đầu kỳ</i>	<b>27.339.750</b>	<b>27.339.750</b>
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	<b>21.683.250</b>	<b>21.683.250</b>

**09. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Dự án mở rộng đầu tư Nhà máy lắp ráp xe ô tô thương hiệu toàn cầu	143.967.441.473	145.359.107.094
<b>Cộng</b>	<b>143.967.441.473</b>	<b>145.359.107.094</b>

**10. Đầu tư vào Công ty con**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô số 8 (*)	1.476.041	16.249.995.000	1.083.333	16.249.995.000
- Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Tư vấn thiết kế 30-4 (**)	655.602	16.372.847.976	655.602	16.372.847.976
<b>Cộng</b>		<b>32.622.842.976</b>		<b>32.622.842.976</b>

(\*): Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô số 8 với tỷ lệ sở hữu vốn là 54,17%. Trong kỳ, Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô số 8 đã phát hành thêm cổ phiếu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần, số cổ phần Công ty Cổ phần Ô tô TMT được tăng thêm là 392.708 cổ phần.

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng** (tiếp theo)

(\*\*): Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Tư vấn thiết kế 30-4 với tỷ lệ sở hữu vốn là 68,11%.

Đơn vị tính: VND

**11. Đầu tư dài hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
<b>Đầu tư cổ phiếu</b>		<b>1.073.530</b>		<b>1.073.530</b>
- Công ty CP thiết bị Bưu điện (POT)	24	679.000	24	679.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín (STB)	6	394.530	6	394.530
<b>Cộng</b>		<b>1.073.530</b>		<b>1.073.530</b>

**12. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác</i>	<i>(633.130)</i>	<i>(792.730)</i>
- Công ty CP thiết bị Bưu điện (POT)	(362.200)	(501.400)
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín (STB)	(270.930)	(291.330)
<b>Cộng</b>	<b>(633.130)</b>	<b>(792.730)</b>

**13. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	385.612.287	334.457.504
- Chi phí đền bù, san lấp mặt bằng	15.552.154.739	15.758.346.227
- Chi phí trả trước dài hạn khác	855.820.543	937.180.738
<b>Cộng</b>	<b>16.793.587.569</b>	<b>17.029.984.469</b>

**14. Vay và nợ ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>80.909.056.715</b>	<b>83.436.734.974</b>
- <i>Vay ngân hàng</i>	<i>80.909.056.715</i>	<i>83.436.734.974</i>
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam <sup>(a)</sup>	38.715.032.262	63.304.881.963
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam <sup>(b)</sup>	41.932.135.103	20.131.853.011
+ Ngân hàng TMCP Quân đội	261.889.350	0
- <i>Vay đối tượng khác</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
<b>Cộng</b>	<b>80.909.056.715</b>	<b>83.436.734.974</b>

(a): Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam với lãi suất 8%/năm của Công ty được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định tại Nhà máy ô tô Cửu Long và quyền thuê đất và tài sản trên đất tại Hưng Yên.

(b): Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam với lãi suất từ 8%/năm đến 9,5%/năm của Công ty được đảm bảo bằng việc thế chấp một số hàng tồn kho tại Nhà máy ô tô Cửu Long, 100% khối lượng thanh toán của các hợp đồng kinh tế đã ký giữa Công ty và các đối tác mà Công ty là người thụ hưởng về tài khoản tiền gửi của Công ty tại BIDV và 100% số dư tài khoản tiền gửi của Công ty tại BIDV và các tổ chức tín dụng khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế giá trị gia tăng bán ra trong nước	0	2.357.769.080
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.153.208.201	0
- Thuế thu nhập cá nhân	888.430	12.721.611
<b>Cộng</b>	<b><u>4.154.096.631</u></b>	<b><u>2.370.490.691</u></b>

**16. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí lãi vay	10.266.817	1.377.504.392
- Chi phí vận chuyển	472.028.348	0
- Chi phí chiết khấu thanh toán	461.615.000	0
- Khác	622.997.264	1.039.525.000
<b>Cộng</b>	<b><u>1.566.907.429</u></b>	<b><u>2.417.029.392</u></b>

**17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Kinh phí công đoàn	3.345.332.119	3.511.744.419
- Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	79.133.393	63.034.583
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	0	1.108.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.167.052.329	1.519.830.822
<b>Cộng</b>	<b><u>6.591.517.841</u></b>	<b><u>6.202.609.824</u></b>

**18. Phải trả dài hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	8.808.000.000	7.600.000.000
- Phải trả dài hạn khác	10.400.000	10.400.000
<b>Cộng</b>	<b><u>8.818.400.000</u></b>	<b><u>7.610.400.000</u></b>

**19. Vay và nợ dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>0</b>	<b>1.385.000.000</b>
- Nợ thuê tài chính	0	0
- Nợ dài hạn khác	0	1.385.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>0</u></b>	<b><u>1.385.000.000</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**20. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>284.502.360.000</b>	<b>24.249.537.500</b>	<b>483.226.387</b>	<b>(8.680.989.647)</b>	<b>616.798.435</b>	<b>0</b>	<b>12.828.421.408</b>	<b>313.999.354.083</b>
Tăng vốn trong năm trước	0	0	0	0	0	0	0	0
Lợi nhuận trong năm trước	0	0	0	0	0	0	4.067.076.744	4.067.076.744
Tăng khác	0	0	0	0	0	0	0	0
Giảm vốn trong năm trước	0	0	0	0	0	0	0	0
Giảm khác	0	0	0	0	0	0	0	0
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>284.502.360.000</b>	<b>24.249.537.500</b>	<b>483.226.387</b>	<b>(8.680.989.647)</b>	<b>616.798.435</b>	<b>0</b>	<b>16.895.498.152</b>	<b>318.066.430.827</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>284.502.360.000</b>	<b>24.249.537.500</b>	<b>483.226.387</b>	<b>(8.680.989.647)</b>	<b>616.798.435</b>	<b>0</b>	<b>16.895.498.152</b>	<b>318.066.430.827</b>
Tăng vốn từ thặng dư vốn cổ phần trong kỳ	23.888.810.000	(23.888.810.000)	0	0	0	0	0	0
Lợi nhuận trong kỳ	0	0	0	0	0	0	21.423.428.683	21.423.428.683
Tăng khác	0	0	0	0	0	0	0	0
Phân phối lợi nhuận	0	0	0	0	406.707.674	406.707.674	(15.240.391.022)	(14.426.975.674)
Giảm vốn trong kỳ	0	0	0	0	0	0	0	0
Giảm khác	0	0	0	0	0	0	0	0
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>308.391.170.000</b>	<b>360.727.500</b>	<b>483.226.387</b>	<b>(8.680.989.647)</b>	<b>1.023.506.109</b>	<b>406.707.674</b>	<b>23.078.535.813</b>	<b>325.062.883.836</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vốn góp của Nhà nước	66.501.720.000	61.280.620.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	241.889.450.000	223.221.740.000
<b>Cộng</b>	<b><u>308.391.170.000</u></b>	<b><u>284.502.360.000</u></b>

\* Số lượng cổ phiếu quỹ: 409.700 cổ phiếu.

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014</u>	<u>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	284.502.360.000	284.502.360.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	23.888.810.000	0
+ Vốn góp giảm trong kỳ	0	0
+ Vốn góp cuối kỳ	308.391.170.000	284.502.360.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	14.020.268.000	0

**d. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.839.117	28.450.236
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.839.117	28.450.236
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	30.839.117	28.450.236
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	409.700	409.700
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	409.700	409.700
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.429.417	28.040.536
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	30.429.417	28.040.536
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014</u>	<u>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013</u>
- Doanh thu bán hàng hóa	25.648.690.054	883.135.089
- Doanh thu bán thành phẩm	438.336.196.763	212.602.999.917
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	0	22.375.373
<b>Cộng</b>	<b><u>463.984.886.817</u></b>	<b><u>213.508.510.379</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**02. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014</b>	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013</b>
- Giảm giá hàng bán	31.363.636	294.999.998
- Hàng bán bị trả lại	0	37.382.727.272
<b>Cộng</b>	<b>31.363.636</b>	<b>37.677.727.270</b>

**03. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014</b>	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013</b>
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	25.648.690.054	883.135.089
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	438.304.833.127	174.925.272.647
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	0	22.375.373
<b>Cộng</b>	<b>463.953.523.181</b>	<b>175.830.783.109</b>

**04. Giá vốn hàng bán**

	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014</b>	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013</b>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	25.092.899.752	891.681.665
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	384.425.775.909	155.569.155.511
<b>Cộng</b>	<b>409.518.675.661</b>	<b>156.460.837.176</b>

**05. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014</b>	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013</b>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.061.650.677	1.058.964.859
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.372.375.022	866.666.400
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	12.244.077	8.458.759
- Lãi bán hàng trả chậm	44.432.602	0
<b>Cộng</b>	<b>2.490.702.378</b>	<b>1.934.090.018</b>

**06. Chi phí tài chính**

	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014</b>	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013</b>
- Lãi tiền vay	1.587.836.656	6.673.433.173
- Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	3.276.280.000	461.433.500
- Lỗ do bán chứng khoán	0	1.690.265.613
- Lỗ do giải thể công ty con	222.794.993	0
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.002.200.381	57.341.232
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	597.543.840	104.162.941
- Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(159.600)	(1.937.984.013)
- Chi phí tài chính khác	65.286.666	3.488.004
<b>Cộng</b>	<b>6.751.782.936</b>	<b>7.052.140.450</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**07. Thu nhập khác**

	<u>Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014</u>	<u>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013</u>
- Thuế nhập khẩu được hoàn	1.898.668.416	0
- Thu nhập khác	40.702.506	13.738.139
<b>Cộng</b>	<b><u>1.939.370.922</u></b>	<b><u>13.738.139</u></b>

**08. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<u>Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014</u>	<u>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013</u>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ kế toán hiện hành	5.071.819.026	0
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	0	0
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b><u>5.071.819.026</u></b>	<b><u>0</u></b>

**09. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014</u>	<u>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	438.581.591.171	181.957.675.705
- Chi phí nhân công	16.071.395.000	10.349.225.918
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.660.487.962	2.998.252.809
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.677.368.233	17.014.815.268
- Chi phí khác bằng tiền	1.708.218.580	5.109.350.411
<b>Cộng</b>	<b><u>477.699.060.946</u></b>	<b><u>217.429.320.111</u></b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****01. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

	<u>Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014</u>	<u>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013</u>
Tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu từ thặng dư vốn cổ phần	23.888.810.000	0

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****01. Giao dịch với các bên liên quan****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014</u>	<u>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013</u>
<b>Hội đồng quản trị</b>		
Lãi cho vay	0	356.700.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014</b>	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013</b>
Tiền lương	596.738.800	578.295.100
Phụ cấp	249.617.600	250.288.700
Tiền thưởng	110.000.000	0
<b>Cộng</b>	<b>956.356.400</b>	<b>828.583.800</b>

**02. Thông tin về bộ phận*****Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý:***

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

***Thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:***

Toàn bộ hoạt động của Công ty trong kỳ là sản xuất, lắp ráp và kinh doanh ô tô.

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**03. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
<b>Tài sản tài chính</b>						
Tiền và các khoản tương đương tiền	54.400.962.422	0	21.627.433.510	0	54.400.962.422	21.627.433.510
Phải thu khách hàng và phải thu khác	19.414.496.962	(358.509.856)	15.929.181.066	(357.822.624)	19.055.987.106	15.571.358.442
Đầu tư tài chính ngắn hạn	12.435.000.000	0	14.545.497.000	0	12.435.000.000	14.545.497.000
Đầu tư tài chính dài hạn	1.073.530	(633.130)	1.073.530	(792.730)	440.400	280.800
<b>Cộng</b>	<b>86.251.532.914</b>	<b>(359.142.986)</b>	<b>52.103.185.106</b>	<b>(358.615.354)</b>	<b>85.892.389.928</b>	<b>51.744.569.752</b>

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả cho người bán	375.614.540.142	60.843.087.076	375.614.540.142	60.843.087.076
Vay và nợ	80.909.056.715	84.821.734.974	80.909.056.715	84.821.734.974
Chi phí phải trả	1.566.907.429	2.417.029.392	1.566.907.429	2.417.029.392
Các khoản phải trả khác	11.985.452.329	10.238.230.822	11.985.452.329	10.238.230.822
<b>Cộng</b>	<b>470.075.956.615</b>	<b>158.320.082.264</b>	<b>470.075.956.615</b>	<b>158.320.082.264</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

## CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

### 04. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

#### *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### *Các khoản cho vay*

Công ty cho cán bộ công nhận viên vay tiền. Công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các cán bộ công nhân viên uy tín và có khả năng thanh toán tốt và gắn bó lâu dài với Công ty.

### 05. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối kỳ</b>				
Phải trả cho người bán	375.614.540.142	0	0	375.614.540.142
Vay và nợ	80.909.056.715	0	0	80.909.056.715
Chi phí phải trả	1.566.907.429	0	0	1.566.907.429
Các khoản phải trả khác	3.167.052.329	8.818.400.000	0	11.985.452.329
<b>Cộng</b>	<b>461.257.556.615</b>	<b>8.818.400.000</b>	<b>0</b>	<b>470.075.956.615</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả cho người bán	60.843.087.076	0	0	60.843.087.076
Vay và nợ	83.436.734.974	1.385.000.000	0	84.821.734.974
Chi phí phải trả	2.417.029.392	0	0	2.417.029.392
Các khoản phải trả khác	2.627.830.822	7.610.400.000	0	10.238.230.822
<b>Cộng</b>	<b>149.324.682.264</b>	<b>8.995.400.000</b>	<b>0</b>	<b>158.320.082.264</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

## CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

### 06. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

#### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

#### *Rủi ro về giá khác*

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

### 07. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 đã được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

### 08. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Đông Giám đốc



Tạ Thu Thủy

Đào Tiến Thành

Bùi Văn Hữu